

bảo thuế thì doanh nghiệp phải nộp thuế ngay cho phần sản phẩm hoàn chỉnh chênh lệch giữa lượng sản phẩm phải xuất khẩu và lượng sản phẩm thực xuất. Ngoài ra doanh nghiệp còn bị phạt nộp chậm thuế theo đúng quy định của pháp luật. Nếu xuất khẩu dưới 50% sản phẩm hoặc sau 3 năm liên tiếp doanh nghiệp vẫn không thực hiện đúng tỷ lệ đã cam kết thì hải quan tỉnh, thành phố báo cáo đề nghị Tổng cục Hải quan thu hồi giấy phép kho bảo thuế.

Mức thuế áp dụng theo quy định của Bộ Tài chính vào thời điểm hải quan ra quyết định thu thuế.

b) Nếu tỷ lệ xuất khẩu cao hơn tỷ lệ được bảo thuế thì doanh nghiệp được hoàn thuế phần chênh lệch giữa thực xuất và phần đã nộp thuế.

c) Doanh nghiệp có kho bảo thuế phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của các báo cáo tổng hợp nêu ở điểm này.

4.5. Hàng hóa nhập khẩu đưa vào kho bảo thuế không được bán vào thị trường Việt Nam. Trường hợp được Bộ Thương mại cho phép bán tại thị trường Việt Nam thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý của hải quan đối với kho bảo thuế:

Về nguyên tắc, kho bảo thuế tại doanh nghiệp chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của cơ quan hải quan. Tuy nhiên, tùy điều kiện cụ thể Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố quyết định việc tổ chức giám sát trực tiếp hoặc xác định quyền kiểm tra, giám sát nhưng không trực tiếp giám sát thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của hải quan chủ yếu thực hiện khi thực tế có hàng hóa đưa vào, đưa ra kho bảo thuế thông qua việc: làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, xuất khẩu của doanh nghiệp; việc thanh khoản từng lô hàng; kiểm tra các báo cáo của doanh nghiệp; kiểm tra trực tiếp, đột xuất (kể cả kiểm tra sổ sách, chứng từ, hệ thống lưu trữ trong mạng vi tính, kiểm kê hàng hóa trong kho).

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý kho, tạo mọi điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ với hải quan trong việc thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát nói trên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan đều bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng

ĐẶNG VĂN TẠO

THÔNG TƯ số 7/2000/TT-TCHQ ngày 02/11/2000 hướng dẫn thi hành Chương III Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Thực hiện khoản 4 Điều 29 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại và hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;

Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc thi hành Chương III về gia công với thương nhân nước ngoài quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP nói trên như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hợp đồng gia công hàng hóa ký giữa thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài theo nội dung đã được quy định tại Nghị

định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ Việt Nam là căn cứ để cơ quan hải quan làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và theo dõi việc xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến hợp đồng gia công đó.

Phụ kiện của hợp đồng gia công là bộ phận không tách rời của hợp đồng gia công.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, nếu có thay đổi, điều chỉnh các điều khoản của hợp đồng gia công, thương nhân Việt Nam tham gia ký kết hợp đồng phải cung cấp cho hải quan nơi theo dõi hợp đồng gia công văn bản điều chỉnh đó. Thời hạn cung cấp như sau: Nếu sự thay đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng gia công liên quan đến việc nhập khẩu nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị mượn thì thời hạn cung cấp cho hải quan là trước khi làm thủ tục nhập khẩu cho hàng hóa đó. Nếu thay đổi định mức gia công hoặc có sự thay đổi, điều chỉnh liên quan đến việc xuất khẩu sản phẩm thì phải cung cấp cho hải quan trước khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm đó.

Thương nhân ký hợp đồng gia công phải chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam về ký kết và thực hiện hợp đồng gia công.

2. Tất cả hàng hóa xuất nhập khẩu của hợp đồng gia công đều phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra giám sát của hải quan và nộp lệ phí hải quan theo quy định của pháp luật. Nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa; máy móc, thiết bị mượn để phục vụ gia công; phế liệu, phế phẩm gia công, doanh nghiệp nhận gia công phải giải quyết như quy định tại điểm 11, mục A, Phần III dưới đây và phải làm đầy đủ thủ tục hải quan theo quy định của Thông tư này, tuyệt đối không được tự ý sử dụng ngoài mục đích gia công, tiêu thụ hoặc chuyển nhượng cho người khác.

3. Đơn vị hải quan quản lý hàng gia công và địa điểm kiểm tra đối với hàng hóa gia công xuất nhập khẩu.

3.1. Việc làm thủ tục hải quan cho một hợp đồng gia công từ khâu tiếp nhận hợp đồng gia công, làm thủ tục hải quan cho từng lô hàng xuất nhập khẩu của hợp đồng gia công, cho đến khâu thanh khoản hợp đồng gia công đều phải

thực hiện tại một đơn vị hải quan thuộc tỉnh, thành phố nơi có xí nghiệp (xí nghiệp của doanh nghiệp hoặc xí nghiệp của doanh nghiệp khác mà hợp đồng gia công được thực hiện ở đó) hoặc trụ sở của doanh nghiệp (trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc trụ sở các chi nhánh của doanh nghiệp, nếu các chi nhánh đó có Giấy đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế riêng). Trường hợp tại địa phương đó không có tổ chức hải quan, doanh nghiệp được chọn đơn vị hải quan thuận tiện nhất để làm thủ tục, nhưng đã làm thủ tục tại đơn vị hải quan nào thì phải làm trọn hợp đồng gia công ở đơn vị hải quan đó. Các trường hợp đặc biệt khác do Tổng cục Hải quan quyết định.

3.2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của hợp đồng gia công cho nước ngoài được kiểm tra tại kho của doanh nghiệp hoặc tại cửa khẩu xuất/nhập. Nếu hàng được kiểm tra tại kho của doanh nghiệp thì việc chuyển tiếp hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan từ kho của doanh nghiệp đến cửa khẩu xuất và việc chuyển tiếp hàng hóa nhập khẩu từ cửa khẩu nhập về kho của doanh nghiệp để kiểm tra hải quan thực hiện theo quy định tại Quy chế Quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển tiếp hiện hành.

Trường hợp hàng phải kiểm tra ở cửa khẩu, nếu đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công không phải hải quan cửa khẩu xuất/nhập thì hải quan nơi có cửa khẩu xuất/nhập chịu trách nhiệm kiểm hóa (đối với hàng nhập khẩu) hoặc kiểm hóa và giám sát thực xuất (đối với hàng xuất khẩu) trên cơ sở bộ hồ sơ hải quan đã được đăng ký do hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công chuyển đến và công văn đề nghị của đơn vị hải quan này. Sau khi làm xong thủ tục kiểm hóa hoặc giám sát thực xuất cho lô hàng, hải quan cửa khẩu xuất/nhập trả 1 bộ hồ sơ cho chủ hàng, 1 bộ hồ sơ niêm phong giao chủ hàng trả ngay cho đơn vị hải quan nơi quản lý hợp đồng gia công để theo dõi và thanh khoản.

4. Trừ số sản phẩm do bên thuê gia công thanh toán tiền công, toàn bộ sản phẩm gia công còn lại phải được xuất trả cho bên nước ngoài thuê gia công hoặc khách hàng do bên thuê gia công chỉ định (bao gồm cả khách hàng Việt Nam

ký hợp đồng mua bán sản phẩm với bên thuê gia công).

Sản phẩm gia công sau khi đã xuất khẩu ra nước ngoài, nếu bên thuê gia công có văn bản trả lại hàng để tái chế, sửa chữa, thì bên nhận gia công được nhận lại để tái chế và phải tái xuất khẩu sau khi tái chế xong. Thời gian tái chế không quá 90 ngày kể từ ngày làm thủ tục tạm nhập để tái chế; trường hợp cá biệt có lý do hợp lý thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố xem xét gia hạn.

Trường hợp có lý do hợp lý lô hàng không thể tái chế được, bên thuê gia công có văn bản đề nghị tiêu hủy số sản phẩm này tại Việt Nam, thì Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố chỉ đạo kiểm tra cụ thể từng trường hợp. Nếu qua kiểm tra, xác định chính xác hàng doanh nghiệp xin tiêu hủy là hàng doanh nghiệp đã tạm nhập để tái chế chưa tái xuất thì xem xét giải quyết cho tiêu hủy như đối với tiêu hủy phế liệu, phế phẩm gia công.

5. Doanh nghiệp được phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng mẫu để làm mẫu gia công. Hàng mẫu trong trường hợp này, về hình thức mặt hàng phải thể hiện rõ là chỉ sử dụng được vào mục đích làm mẫu để gia công sản phẩm (Ví dụ: giấy một bên hoặc cả đôi nhưng đã bị đục lỗ; sản phẩm có in rõ các chữ thể hiện là hàng mẫu hoặc nếu trên sản phẩm không in, thì người gia công hoặc hải quan phải đóng dấu hoặc viết lên sản phẩm đó chữ "HÀNG MẪU" khi kiểm tra hàng) và bộ chứng từ lô hàng khi làm thủ tục hải quan phải thể hiện rõ là hàng mẫu.

Số lượng hàng mẫu cho một mã hàng là đơn chiếc. Trường hợp một hợp đồng gia công phải gia công ở nhiều địa điểm khác nhau cần có số lượng hàng mẫu nhiều hơn, thì doanh nghiệp phải có văn bản giải trình gửi hải quan nơi theo dõi hợp đồng gia công, hải quan sẽ xem xét giải quyết cho phù hợp nhưng tối đa không quá 5 chiếc cho một mã hàng.

Hàng mẫu để làm mẫu gia công không phải nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Nếu hàng mẫu xuất khẩu được sản xuất từ nguyên, phụ liệu, vật tư nhập khẩu của hợp đồng gia công, thì được đưa vào thanh khoản như sản phẩm xuất khẩu.

II. GIẢI THÍCH MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Đối tượng thực hiện gia công: Thương nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, có hoặc không có đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, được gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài; được trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, phế phẩm, phế liệu và sản phẩm gia công theo hợp đồng gia công. Các doanh nghiệp thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện hoạt động gia công theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ.

2. Về hợp đồng gia công quy định tại Điều 12 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP:

2.1. Hợp đồng gia công có thể ký trực tiếp hoặc ký qua điện tín (fax, telex...).

2.2. Hợp đồng gia công được lập bằng hai thứ tiếng là tiếng Việt và tiếng Anh hoặc một thứ tiếng nước ngoài khác do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hợp đồng được lập bằng tiếng nước ngoài thì doanh nghiệp phía Việt Nam phải có bản dịch chính thức ra tiếng Việt, doanh nghiệp Việt Nam phải ký và đóng dấu, chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch đó.

2.3. Phương thức thanh toán nêu tại khoản d, Điều 12: Hợp đồng gia công phải ghi rõ phương thức thanh toán bằng tiền hay bằng sản phẩm gia công. Nếu thanh toán tiền công bằng sản phẩm gia công thì phải ghi rõ loại sản phẩm, trị giá sản phẩm.

3. Về nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa quy định tại khoản i Điều 12 của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP: là đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 785 và Điều 786 Bộ Luật Dân sự năm 1995 và Điều 6, Điều 7 Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ. Trong hợp đồng gia công/phụ kiện hợp đồng gia công phải ghi rõ nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa sẽ được gắn lên sản phẩm. Nếu trong hợp đồng gia công/phụ kiện hợp đồng, bên thuê gia công cam kết chịu trách nhiệm về việc sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa và chịu trách nhiệm giải quyết các

tranh chấp liên quan đến việc sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa đó, thì sản phẩm gia công được gắn nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ thỏa thuận trong hợp đồng/ phụ kiện hợp đồng.

Trường hợp nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa đó trùng với nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam thì phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam. Người có nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa được cấp văn bằng bảo hộ tại Việt Nam muốn bảo vệ quyền lợi của mình trong lĩnh vực gia công hàng hóa cho nước ngoài, phải mang văn bằng này đến đăng ký với đơn vị hải quan làm thủ tục hàng gia công. Nếu không đăng ký, cơ quan hải quan không có trách nhiệm bảo vệ trong trường hợp có người khác sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa đó.

4. Máy móc, thiết bị mượn quy định tại Chương III của Nghị định bao gồm máy móc, thiết bị đồng bộ, máy móc, thiết bị lẻ và dụng cụ sản xuất (kể cả dụng cụ thay thế, bổ sung) do bên thuê gia công cung cấp dưới hình thức tạm nhập - tái xuất. Máy móc, thiết bị mượn để phục vụ gia công thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ, thủ tục hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.2, mục A Phần III dưới đây.

Máy móc, thiết bị thuê để phục vụ gia công thực hiện theo Quy chế về thuê máy móc, thiết bị của nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 1447/1999/QĐ-BTM ngày 10/12/1999 của Bộ Thương mại.

5. Định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư (quy định tại Điều 13, 18 của Nghị định) là lượng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Định mức vật tư tiêu hao là lượng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dùng để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm nhưng không cấu thành trên sản phẩm hoặc không biểu hiện ra bên ngoài thành một bộ phận của sản phẩm.

Tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư là lượng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư hao hụt trong quá trình sản xuất. Tỷ lệ hao hụt này phụ thuộc

vào chất lượng nguyên, phụ liệu, vật tư, trình độ công nhân, sự cố máy móc, thiết bị và các nguyên nhân khác.

6. Giám đốc doanh nghiệp quy định tại Điều 13 được hiểu như sau:

Đối với thương nhân là pháp nhân là giám đốc doanh nghiệp. Đối với thương nhân là cá nhân là chính cá nhân đó. Đối với thương nhân là tổ hợp tác là người đứng đầu tổ hợp tác đó. Đối với thương nhân là hộ gia đình là chủ hộ của hộ gia đình đó.

7. Khoản 2 Điều 14 quy định về nhập khẩu công nghệ và quản lý xuất nhập khẩu: Theo quy định này, khi nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ sản xuất doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, về an toàn lao động và các quy định về quản lý chuyên ngành (nếu là hàng thuộc Danh mục quản lý chuyên ngành).

8. Việc thanh toán tiền gia công bằng sản phẩm gia công quy định tại khoản 2.d Điều 15 của Nghị định phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải được thỏa thuận trong hợp đồng gia công (hoặc phụ lục bổ sung hợp đồng).

- Trị giá của sản phẩm dùng để thanh toán tiền gia công không được vượt quá trị giá tiền thuê gia công.

- Không thuộc diện hàng cấm nhập khẩu hoặc tạm ngừng nhập khẩu. Nếu thuộc diện hàng nhập khẩu có điều kiện, thì phải có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

- Phải chịu thuế nhập khẩu và các thuế liên quan đối với sản phẩm gia công thanh toán tiền thuê gia công.

- Sản phẩm phải được gắn tên nước xuất xứ: "Sản xuất tại Việt Nam".

III. THỦ TỤC HẢI QUAN

A. NHẬN GIA CÔNG CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

1. Thủ tục tiếp nhận hợp đồng gia công:

Chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi làm thủ

tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên cho hợp đồng, doanh nghiệp phải xuất trình hồ sơ để cơ quan hải quan làm thủ tục tiếp nhận hợp đồng. Trong trường hợp có lý do hợp lý thì trưởng đơn vị hải quan làm thủ tục có thể chấp nhận rút ngắn thời gian trên.

a) Bộ hồ sơ xuất trình gồm:

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện kèm theo (nếu có): 2 bản chính và 2 bản dịch (nếu hợp đồng lập bằng tiếng nước ngoài).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (nếu làm thủ tục tiếp nhận lần đầu): 2 bản sao.

- Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại, nếu mặt hàng gia công thuộc Danh mục hàng hóa Nhà nước Việt Nam cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; hoặc của Ngân hàng Nhà nước, nếu gia công mặt hàng vàng: 1 bản chính, 1 bản sao.

- Giấy chứng nhận của Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam (trường hợp nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam): 1 bản chính, 1 bản sao.

b) Trách nhiệm của hải quan khi tiếp nhận hợp đồng gia công:

- Tiếp nhận hợp đồng gia công phù hợp với quy định tại Điều 12 của Nghị định.

- Đóng dấu "Đã tiếp nhận hợp đồng" lên hợp đồng và các tài liệu kèm theo.

Trong thời gian không quá 2 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan hải quan phải làm xong thủ tục tiếp nhận hợp đồng. Sau khi tiếp nhận, hải quan lưu một bộ hồ sơ để theo dõi, bao gồm 1 bản chính hợp đồng, phụ kiện hợp đồng gia công kèm theo (nếu có) và bản sao các chứng từ khác.

c) Tiếp nhận hợp đồng gia công của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

- Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thực hiện theo Văn bản số 6478-TM/ĐT ngày 07/11/1998 của Bộ Thương mại, doanh nghiệp không phải đăng ký hoặc phê duyệt hợp

đồng gia công tại Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền mà đến trực tiếp làm thủ tục tiếp nhận tại cơ quan hải quan.

- Bộ hồ sơ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ngoài các giấy tờ như quy định tại điểm a trên đây, doanh nghiệp phải nộp thêm bản giải trình công suất máy móc, thiết bị.

- Hợp đồng gia công được tiếp nhận, ngoài việc phải phù hợp với quy định tại Điều 12 của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ về mặt hàng gia công còn phải phù hợp với mặt hàng ghi trong Giấy phép đầu tư và về số lượng sản phẩm gia công phải phù hợp với bản giải trình công suất máy móc, thiết bị.

2. Thủ tục nhập khẩu.

2.1. Thủ tục nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, vật tư (sau đây gọi chung là nguyên phụ liệu) thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại Thông tư số 01/1999/TT-TCHQ ngày 10/5/1999. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thêm một số điểm sau:

a) Bộ hồ sơ hải quan nộp và xuất trình khi làm thủ tục đăng ký tờ khai:

- Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai hàng nhập khẩu: 3 bản chính,

+ Vận tải đơn: 1 bản sao,

+ Hóa đơn thương mại (bản chính hoặc bản sao): 3 bản,

+ Bản kê chi tiết hàng hóa: 1 bản chính và 2 bản sao,

- Đối với các trường hợp sau đây phải nộp thêm:

+ Giấy đăng ký kiểm dịch (đối với hàng yêu cầu phải kiểm dịch): 1 bản chính,

+ Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại nếu nguyên phụ liệu, vật tư nhập khẩu thuộc danh mục Nhà nước Việt Nam cấm nhập khẩu và tạm ngừng nhập khẩu: 1 bản sao.

- Giấy tờ phải xuất trình:

+ Bảng thống kê tờ khai nhập khẩu (mẫu 1/GC)*,

+ Hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công liên

(* Không in các mẫu.

quan đến việc nhập khẩu nguyên phụ liệu, vật tư đã được cơ quan hải quan làm thủ tục tiếp nhận,

+ Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại nếu nguyên phụ liệu, vật tư nhập khẩu thuộc danh mục Nhà nước Việt Nam cấm nhập khẩu và tạm ngừng nhập khẩu: 1 bản chính để đối chiếu với bản sao phải nộp.

Các bản sao phải nộp trên đây chỉ cần đóng dấu và có chữ ký xác nhận của giám đốc doanh nghiệp hoặc phó giám đốc doanh nghiệp, không cần xác nhận của công chứng nhà nước; giám đốc doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của các bản sao này.

b) Cách thống kê tờ khai nhập khẩu vào Bảng thống kê tờ khai (mẫu 1/GC ban hành kèm theo Thông tư này)*:

- Mỗi hợp đồng gia công phải lập 2 Bảng thống kê tờ khai nhập khẩu. Doanh nghiệp giữ một Bảng để xuất trình cho hải quan khi làm thủ tục nhập khẩu từng lô hàng. Hải quan lưu 1 Bảng.

- Việc thống kê tờ khai vào Bảng thống kê (cả Bảng do chủ hàng xuất trình và Bảng lưu tại hải quan) đều do cán bộ hải quan thực hiện tại thời điểm làm thủ tục đăng ký tờ khai (hoặc khi tiếp nhận Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp/Phiếu chuyển giao nguyên phụ liệu, vật tư).

- Bảng thống kê tờ khai phải rõ ràng, chính xác, đầy đủ, tuyệt đối không được thống kê sót tờ khai. Sau mỗi lần thống kê tờ khai, cán bộ hải quan làm nhiệm vụ này phải ký và ghi rõ họ tên vào cột quy định trên Bảng.

- Đối với những hợp đồng gia công lớn thực hiện trong thời gian dài, nếu 1 tờ Bảng thống kê không ghi đủ thì phải lập thành nhiều tờ. Trong trường hợp này, trên mỗi tờ Bảng thống kê phải ghi rõ số thứ tự tờ (tờ số...); cuối mỗi tờ phải ghi rõ "tiếp sang tờ số...". Việc đánh số thứ tự tại cột (1) của Bảng thống kê phải liên tục từ đầu cho đến kết thúc hợp đồng.

c) Lấy mẫu nguyên phụ liệu:

- Trừ những trường hợp do tính chất mặt hàng không thể lấy mẫu được (như gia công vàng bạc, da sống...), còn các trường hợp khác

khi kiểm hóa nguyên phụ liệu, vật tư gia công nhập khẩu, hải quan phải lấy mẫu nguyên liệu chính và phụ liệu có giá trị lớn để làm cơ sở đối chiếu khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm. Mẫu hàng phải được cán bộ hải quan và đại diện của doanh nghiệp cùng lấy, phải ghi rõ trên mẫu hoặc chứng từ kèm theo mẫu: tên nguyên phụ liệu; tên, số hiệu hợp đồng/phụ kiện hợp đồng; mã hàng; số tờ khai; số lượng mẫu...; cán bộ hải quan và đại diện doanh nghiệp phải cùng ký, ghi rõ họ, tên lên mẫu hoặc chứng từ này. Mẫu phải được niêm phong hải quan cùng với chứng từ kèm theo mẫu và được giao doanh nghiệp bảo quản để xuất trình khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm.

- Nếu sản phẩm của một hợp đồng gia công sẽ được kiểm hóa cùng một lúc tại nhiều địa điểm khác nhau, thì doanh nghiệp phải dự liệu trước vấn đề này và thông báo cho hải quan biết để khi lấy mẫu sẽ lấy nhiều mẫu cho một loại nguyên liệu, đủ phục vụ việc đối chiếu khi kiểm hóa.

- Sau khi lãnh đạo đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công ký xác nhận đã hoàn thành thủ tục thanh khoản hợp đồng gia công vào bảng thanh khoản hợp đồng gia công (mẫu 9/GC)*, doanh nghiệp được phép hủy mẫu lưu nguyên phụ liệu của hợp đồng này.

d) Về chính sách thuế đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu để sản xuất sản phẩm gia công thực hiện theo quy định tại Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính.

2.2. Thủ tục hải quan đối với máy móc, thiết bị mượn để phục vụ gia công thực hiện như sau:

- Máy móc, thiết bị tạm nhập khẩu do bên thuê gia công cung cấp dưới hình thức mượn phục vụ gia công, sau khi kết thúc hợp đồng phải tái xuất trả cho bên thuê gia công, trừ các thiết bị, dụng cụ bị hư hỏng trở thành phế liệu được phép tiêu hủy tại Việt Nam và những trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm 11, mục A phần này cho phép bán, biếu tặng tại Việt Nam.

- Máy móc, thiết bị mượn phải được quy định cụ thể trong hợp đồng/phụ kiện hợp đồng về tên gọi, chủng loại, số lượng, chất lượng.

- Thủ tục hải quan đối với loại máy móc, thiết

bị này như thủ tục hải quan đối với lô hàng tạm nhập - tái xuất. Các tờ khai tạm nhập phải được cán bộ hải quan thống kê vào Bảng thống kê tờ khai (mẫu 05/GC ban hành kèm theo Thông tư này)* ngay khi làm thủ tục đăng ký tờ khai nhập khẩu, cách thống kê thực hiện như điểm 2.1.b, mục A trên đây. Máy móc, thiết bị tham gia trực tiếp vào việc sản xuất ra sản phẩm gia công (được lắp đặt, sử dụng tại phân xưởng để sản xuất sản phẩm gia công) do bên thuê gia công cho mượn được miễn thuế. Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc sử dụng máy móc, thiết bị này đúng mục đích.

Các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ sản xuất khác, dụng cụ văn phòng không tham gia trực tiếp vào sản xuất ra sản phẩm gia công, muốn mượn khi tạm nhập khẩu phải tạm nộp thuế, khi tái xuất được hoàn lại thuế theo quy định tại điểm 1.m, mục I, phần E Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính. Nếu không tái xuất thì không được hoàn thuế.

Trong quá trình sử dụng nếu máy móc, thiết bị hư hỏng, doanh nghiệp có nhu cầu đưa ra nước ngoài để sửa chữa thì đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công xem xét giải quyết, thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức tạm xuất - tái nhập miễn thuế.

3. Thủ tục xuất khẩu đối với sản phẩm gia công:

Thủ tục xuất khẩu đối với sản phẩm gia công thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại Thông tư số 01/1999/TT-TCHQ ngày 10/5/1999. Ngoài ra, Tổng cục Hải quan hướng dẫn thêm một số điểm sau:

3.1. Bộ hồ sơ hải quan nộp và xuất trình khi làm thủ tục đăng ký tờ khai:

- Giấy tờ phải nộp:

+ Tờ khai hàng xuất khẩu: 3 bản chính,

+ Bản kê chi tiết hàng hóa: 3 bản chính,

- Đối với trường hợp sau đây phải nộp thêm:

+ Văn bản phân bổ hạn ngạch hoặc giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (nếu bên gia công cung ứng các nguyên phụ liệu, vật tư thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện): 1 bản

sao có đóng dấu và chữ ký xác nhận của giám đốc doanh nghiệp hoặc phó giám đốc doanh nghiệp; nộp khi cấp phiếu theo dõi trừ lùi.

- Giấy tờ phải xuất trình:

+ Bảng thống kê tờ khai xuất khẩu (mẫu 3/GC)*,

+ Văn bản phân bổ hạn ngạch hoặc giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (nếu bên gia công cung ứng các nguyên phụ liệu, vật tư thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện): 1 bản chính để đối chiếu với bản sao phải nộp và cấp phiếu theo dõi trừ lùi hạn ngạch.

3.2. Khi kiểm hóa sản phẩm xuất khẩu, hải quan phải đối chiếu nguyên liệu mẫu lấy khi làm thủ tục nhập khẩu với nguyên liệu cấu thành trên sản phẩm. Trường hợp nguyên liệu chính còn phải trải qua một quá trình xử lý trước khi đưa vào sản xuất ra sản phẩm (ví dụ như len, sợi phải nhuộm...) nên hình thức không còn như khi nhập khẩu, thì người nhận gia công phải có văn bản thông báo với cơ quan hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng đúng nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu, hải quan căn cứ vào tính chất của nguyên liệu để đối chiếu, nếu có nghi vấn thì yêu cầu giám định.

3.3. Cách thống kê tờ khai xuất khẩu vào Bảng thống kê tờ khai (mẫu 3/GC ban hành kèm theo Thông tư này)*.

Mỗi một hợp đồng gia công phải lập 2 Bảng thống kê tờ khai xuất khẩu. Doanh nghiệp giữ một Bảng để xuất trình cho hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu từng lô hàng, hải quan lưu một Bảng. Thời điểm thống kê và cách thống kê tờ khai lên Bảng này giống như thống kê tờ khai nhập khẩu ở điểm 2.1.b, mục A trên đây.

3.4. Thủ tục hải quan đối với trường hợp sản phẩm gia công được bán cho doanh nghiệp Việt Nam để tiêu thụ nội địa hoặc làm nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và hàng được giao nhận tại Việt Nam theo chỉ định của bên thuê gia công. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Thương mại tại Văn bản số 1723/TM-ĐT ngày 28/4/1999, Tổng cục Hải quan hướng dẫn như sau:

Điều kiện để được giao, nhận sản phẩm gia

công tại Việt Nam: Doanh nghiệp mua sản phẩm gia công phải ký hợp đồng mua bán với bên bán nước ngoài (là bên thuê gia công hoặc người mua hàng của bên thuê gia công bán lại cho doanh nghiệp Việt Nam). Trong hợp đồng phải ghi rõ hàng được giao tại doanh nghiệp Việt Nam nhận gia công (tên, địa chỉ doanh nghiệp này, hàng thuộc hợp đồng gia công nào). Sản phẩm này phải phù hợp với phạm vi ngành hàng ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mua hàng, phải phù hợp với chính sách quản lý xuất, nhập khẩu hàng hóa và quản lý nhập khẩu công nghệ của Nhà nước. Nếu bên mua là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thì sản phẩm gia công này phải là mặt hàng thuộc kế hoạch nhập khẩu đã được Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Bộ Thương mại ủy quyền duyệt. Sản phẩm gia công để tiêu thụ nội địa phải ghi rõ tên nước xuất xứ là: "Sản xuất tại Việt Nam".

Về thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Thủ tục xuất khẩu (thủ tục giao sản phẩm của doanh nghiệp nhận gia công):

(i) Doanh nghiệp xuất khẩu giao sản phẩm phải làm thủ tục xuất như đối với xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài.

(ii) Nhiệm vụ của hải quan làm thủ tục xuất khẩu (hải quan quản lý hợp đồng gia công): Thực hiện đăng ký tờ khai như đối với xuất sản phẩm gia công ra nước ngoài, ký xác nhận vào ô 47 tờ khai HQ99-XXNK hiện hành (xác nhận này không bao hàm nội dung đã kiểm tra hàng hóa) niêm phong hồ sơ giao chủ hàng chuyển đến hải quan làm thủ tục nhập khẩu để thực hiện các bước tiếp theo như quy định tại điểm c dưới đây.

b) Thủ tục nhập khẩu (thủ tục nhận hàng của doanh nghiệp mua):

(i) Doanh nghiệp nhập khẩu: Mở tờ khai nhập khẩu và thực hiện các chính sách về nhập khẩu hàng hóa, chính sách thuế theo đúng loại hình nhập khẩu.

(ii) Nhiệm vụ của hải quan làm thủ tục nhập khẩu: Làm thủ tục nhập khẩu như quy định đối với một lô hàng nhập khẩu từ nước ngoài theo đúng loại hình (trong bộ hồ sơ hải quan không yêu cầu phải có vận tải đơn).

c) Việc kiểm tra thực tế hàng hóa:

Sau khi đăng ký tờ khai với hải quan làm thủ tục xuất, doanh nghiệp xuất khẩu (doanh nghiệp giao sản phẩm gia công) tổ chức giao hàng cho doanh nghiệp nhập khẩu. Hải quan làm thủ tục nhập khẩu thực hiện việc kiểm tra thực tế hàng hóa, đối chiếu sản phẩm giao nhận với mẫu nguyên liệu nhập khẩu ban đầu, lấy mẫu mới (nếu hàng thuộc diện phải lấy mẫu); ghi kết quả kiểm hóa và xác nhận thực xuất vào tờ khai xuất, trả lại 2 bản cho doanh nghiệp xuất để nộp 1 bản cho hải quan xuất và lưu 1 bản vào hồ sơ hợp đồng gia công; ghi kết quả kiểm hóa và xác nhận thực nhập vào tờ khai nhập khẩu.

- Xác nhận thực xuất phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm, nơi đăng ký của tờ khai nhập khẩu; nơi giao hàng.

- Xác nhận thực nhập phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm, nơi đăng ký của tờ khai xuất; nơi nhận hàng; hàng là sản phẩm gia công của công ty... thuộc hợp đồng gia công số... ngày ... tháng ... năm.

- Thực hiện các bước thủ tục khác và chính sách thuế theo đúng quy định của từng loại hình.

4. Thủ tục chuyển nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị mượn từ hợp đồng này sang hợp đồng khác:

4.1. Trường hợp cùng đối tác thuê và nhận gia công, cùng đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công: Bên nhận gia công chỉ cần có văn bản thông báo cho đơn vị hải quan theo dõi hợp đồng gia công về việc chuyển nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị mượn đó kèm theo văn bản thỏa thuận giữa hai bên. Văn bản thông báo này phải ghi rõ tên, lượng, giá trị nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị chuyển giao từ hợp đồng nào sang hợp đồng nào. Văn bản này có giá trị như tờ khai xuất khẩu (đối với hợp đồng giao) và tờ khai nhập khẩu (đối với hợp đồng nhận).

Văn bản thông báo này phải lập thành 4 bản. Sau khi hải quan xác nhận và thống kê vào Bảng thống kê tờ khai xuất khẩu (mẫu 03/GC)* của hợp đồng gia công giao và Bảng thống kê tờ khai nhập khẩu (mẫu 01/GC)* của hợp đồng gia công nhận, hải quan giữ 2 bản để lưu vào hồ sơ

mỗi hợp đồng 1 bản, trả lại doanh nghiệp 2 bản để lưu vào hồ sơ mỗi hợp đồng 1 bản.

4.2. Trường hợp cùng đối tác thuê và nhận gia công, nhưng không cùng đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công: Làm thủ tục như sản phẩm gia công chuyển tiếp dưới đây. Mẫu phiếu như mẫu 10/GC* ban hành kèm theo Thông tư này, nhưng thay tên phiếu bằng tên "Phiếu chuyển giao nguyên phụ liệu, vật tư gia công" hoặc "Phiếu chuyển giao máy móc, thiết bị mượn".

Đối với trường hợp này, các tiêu thức của Phiếu và xác nhận của hải quan bên giao, hải quan bên nhận đều phải ghi đầy đủ theo mẫu 10/GC nêu trên. Riêng phần xác nhận, ký tên, đóng dấu của giám đốc bên giao và bên nhận chỉ cần thực hiện ở một bên.

4.3. Cùng đối tác thuê gia công nhưng khác đối tác nhận gia công: Làm thủ tục như hàng gia công chuyển tiếp dưới đây. Mẫu Phiếu và tên Phiếu như quy định tại điểm 4.2 phần này.

Nếu hải quan bên giao đồng thời là hải quan bên nhận thì vẫn phải ghi đầy đủ các tiêu thức của phiếu. Riêng phần ký tên, đóng dấu của hải quan bên giao và hải quan bên nhận trên phiếu chỉ cần thực hiện ở một bên.

4.4. Trường hợp không cùng đối tác thuê gia công:

Trên cơ sở hợp đồng gia công đã được hải quan tiếp nhận và chỉ định của các bên thuê gia công, các bên nhận gia công và đơn vị hải quan quản lý các hợp đồng gia công thực hiện thủ tục giao, nhận như thủ tục hải quan quy định tại điểm 3.4, mục A trên đây.

4.5. Việc đối chiếu mẫu và lấy mẫu khi làm thủ tục chuyển nguyên phụ liệu từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác:

Để đảm bảo chuyển giao đúng nguyên phụ liệu đã nhập khẩu, doanh nghiệp phải xuất trình cho hải quan bên nhận mẫu lưu nguyên phụ liệu do hải quan làm thủ tục nhập khẩu trước đây đã niêm phong và hải quan bên nhận phải tiến hành đối chiếu nguyên liệu chuyển giao với mẫu lưu nguyên liệu này, nếu phù hợp thì tiến hành lấy mẫu mới cho hợp đồng nhận nguyên phụ liệu như quy định tại điểm 2.1.c, mục A phần này.

Trường hợp khi đối chiếu phát hiện sự sai khác giữa mẫu lưu với nguyên phụ liệu chuyển giao thì phải lập biên bản vi phạm theo đúng thủ tục hành chính để làm cơ sở xử lý. Đối với những nguyên phụ liệu thuộc diện không phải lấy mẫu lúc nhập khẩu, giám đốc các doanh nghiệp giao, nhận nguyên phụ liệu chuyển giao phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chuyển giao đúng nguyên phụ liệu đã nhập khẩu.

5. Thủ tục giao nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Nghị định (áp dụng cho cả cùng và khác đối tác thuê gia công).

5.1. Trong điểm này:

- Thương nhân giao sản phẩm gia công chuyển tiếp dưới đây gọi tắt là Bên giao.
- Thương nhân nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp dưới đây gọi tắt là Bên nhận.
- Hải quan quản lý hợp đồng gia công của Bên giao dưới đây gọi tắt là Hải quan bên giao.
- Hải quan quản lý hợp đồng gia công Bên nhận dưới đây gọi tắt là Hải quan bên nhận.
- Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp gọi tắt là Phiếu chuyển tiếp.

5.2. Về nguyên tắc, việc chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp phải chịu sự quản lý của hải quan, nhưng hải quan không trực tiếp làm thủ tục cho việc giao, nhận hàng. Trên cơ sở văn bản chỉ định của các bên thuê gia công, các doanh nghiệp liên quan tự tổ chức việc giao, nhận hàng theo các bước quy định dưới đây. Giám đốc các doanh nghiệp giao, doanh nghiệp nhận chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giao, nhận sản phẩm đúng về chủng loại, tên gọi, quy cách, phẩm chất như khai báo trên Phiếu chuyển tiếp, sản phẩm này phải được sản xuất từ chính nguyên phụ liệu mà Bên giao đã làm thủ tục nhập khẩu, đủ về số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng như khai báo trên Phiếu chuyển tiếp.

5.3. Các bước thực hiện:

- a) Bước 1: Bên giao lập 4 Phiếu giao hàng chuyển tiếp theo mẫu của Tổng cục Hải quan ban hành kèm theo Thông tư này (mẫu 10/GC)*. Sau

khi lập Phiếu, Bên giao giao sản phẩm cho Bên nhận.

b) Bước 2: Bên nhận sau khi nhận đủ sản phẩm, xác nhận, ký tên, đóng dấu vào cả 4 Phiếu chuyển tiếp trên, sau đó đến trình và đăng ký với hải quan bên nhận.

c) Bước 3: Hải quan Bên nhận tiếp nhận 4 Phiếu chuyển tiếp, xác nhận vào 4 tờ Phiếu trên, lãnh đạo đơn vị ký tên và đóng dấu.

Sau khi làm xong thủ tục xác nhận vào cả 4 Phiếu trên, Hải quan Bên nhận trả lại cho Bên nhận 3 bản, hải quan lưu 1 bản cùng với hợp đồng gia công có sử dụng sản phẩm gia công chuyển tiếp.

Bên nhận lưu 1 bản cùng với hợp đồng gia công, chuyển 2 bản cho Bên giao.

d) Bước 4: Bên giao sau khi nhận được 2 bản Phiếu chuyển tiếp đã có đủ xác nhận của Bên nhận và Hải quan Bên nhận do Bên nhận chuyển đến, phải đến trình Hải quan Bên giao. Hải quan Bên giao xác nhận, ký tên đóng dấu vào 2 Phiếu chuyển tiếp đó, lưu 1 bản cùng với hợp đồng gia công, trả cho Bên giao 1 bản để lưu cùng hợp đồng gia công lưu tại Bên giao.

Người ký và con dấu của Hải quan Bên giao như quy định đối với Hải quan Bên nhận.

5.4. Phiếu chuyển tiếp này được coi là chứng từ để thanh khoản hợp đồng gia công sau này. Đối với Bên giao, thì Phiếu có đầy đủ xác nhận ký tên, đóng dấu của 4 Bên nêu trên mới có giá trị thanh khoản hợp đồng. Đối với Bên nhận, chỉ có những Phiếu có đủ xác nhận ký tên, đóng dấu của 3 Bên (trừ hải quan bên giao) mới có giá trị thanh khoản hợp đồng. Giám đốc doanh nghiệp của Bên giao, Bên nhận phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực của việc giao, nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp và của Phiếu này.

5.5. Gia công chuyển tiếp trong trường hợp cùng đối tác trong nước, nhưng khác đối tác nước ngoài, thì trên cơ sở chỉ định của các bên thuê gia công, doanh nghiệp nhận gia công chỉ cần làm văn bản báo cáo với cơ quan hải quan về việc chuyển tiếp đó. Văn bản báo cáo phải ghi rõ tên, lượng, trị giá sản phẩm chuyển giao. Văn

bản báo cáo phải làm thành 4 bản, sau khi hải quan xác nhận, hải quan giữ 2 bản để lưu ở mỗi hợp đồng 1 bản, trả lại doanh nghiệp 2 bản để lưu vào hồ sơ mỗi hợp đồng 1 bản.

Văn bản báo cáo này có giá trị để thanh khoản hợp đồng.

6. Thuê thương nhân khác gia công quy định tại khoản 2.b Điều 15 của Nghị định:

Doanh nghiệp nhận gia công cho thương nhân nước ngoài được thuê thương nhân Việt Nam khác gia công lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thuê gia công này. Hải quan không làm thủ tục cho việc thuê gia công lại.

Doanh nghiệp ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài là người trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, thanh khoản hợp đồng gia công với cơ quan hải quan, làm các nghĩa vụ khác liên quan đến hợp đồng gia công và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ký kết và thực hiện hợp đồng gia công này.

7. Thủ tục xuất trả nguyên phụ liệu, vật tư gia công:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, theo yêu cầu của bên thuê gia công, bên nhận gia công được xuất trả nguyên phụ liệu, vật tư cho bên thuê gia công.

Thủ tục hải quan như thủ tục xuất khẩu một lô hàng gia công xuất khẩu. Ngoài bộ hồ sơ như một lô hàng gia công xuất khẩu phải nộp thêm bản sao văn bản yêu cầu xuất trả hàng của bên thuê gia công (có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp nhận gia công), văn bản đề nghị của doanh nghiệp nói rõ lô hàng xuất trả thuộc tờ khai nhập nào và kèm theo bản sao tờ khai nhập đó. Hải quan làm thủ tục xuất trả phải đối chiếu nguyên phụ liệu xuất với mẫu lưu nguyên phụ liệu lấy khi nhập khẩu.

8. Thủ tục hải quan đối với hàng gia công tái chế:

Đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công chịu trách nhiệm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và quản lý cho đến khi toàn bộ sản phẩm tái chế được tái xuất hết. Khi làm thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu, tờ khai hải quan được đăng ký

theo loại hình tạm nhập gia công tái chế, tái xuất gia công tái chế (sử dụng ô trống tại tiêu thức 15 của tờ khai HQ99-XNK). Các tờ khai nhập khẩu tái chế, xuất khẩu tái chế quản lý riêng, không thống kê vào Bảng thống kê tờ khai (mẫu 01/GC và mẫu 03/GC ban hành kèm theo Thông tư này)*.

9. Thủ tục hải quan đối với nguyên phụ liệu do bên nhận gia công tự cung ứng để phục vụ hợp đồng gia công:

9.1. Điều kiện nguyên phụ liệu, vật tư cung ứng:

- Phải thuộc danh mục nguyên phụ liệu, vật tư sử dụng để gia công thành phẩm nêu trong hợp đồng gia công.

- Phải xây dựng thành định mức như đối với nguyên phụ liệu do bên thuê gia công cung cấp.

- Phải được thỏa thuận trong hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công về tên gọi, chủng loại, số lượng nguyên phụ liệu do bên nhận gia công cung ứng.

9.2. Phương thức cung ứng:

- Bên nhận gia công trực tiếp nhập khẩu từ nước ngoài về bằng hợp đồng mua bán ngoại thương để làm nguyên phụ liệu sản xuất sản phẩm gia công.

- Mua tại thị trường Việt Nam để làm nguyên phụ liệu gia công (trừ trường hợp được hưởng chế độ xuất nhập khẩu tại chỗ).

9.3. Thủ tục hải quan:

a) Trường hợp nguyên phụ liệu mua tại thị trường Việt Nam: Hải quan không làm thủ tục cho việc mua bán này nhưng khi thanh khoản hợp đồng gia công, doanh nghiệp phải lập bảng thống kê những nguyên phụ liệu thuộc loại này để hải quan tính thuế xuất khẩu (nếu có). Nguyên phụ liệu mua tại thị trường Việt Nam nếu thuộc danh mục mặt hàng cấm xuất khẩu thì phải có văn bản cho phép của Bộ Thương mại, nếu thuộc danh mục hàng xuất khẩu có điều kiện thì phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền và chỉ được thực hiện trong phạm vi cho phép (số lượng, trị giá) của giấy phép này.

Khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm gia công có sử dụng nguyên phụ liệu mua tại thị trường Việt Nam, doanh nghiệp phải có văn bản giải trình về việc sử dụng nguyên phụ liệu này với đơn vị hải quan làm thủ tục xuất khẩu, để hải quan theo dõi trừ lùi hạn mức, hạn ngạch (nếu nguyên phụ liệu thuộc diện có hạn mức, hạn ngạch).

b) Trường hợp nguyên phụ liệu do bên nhận gia công trực tiếp mua từ nước ngoài để phục vụ hợp đồng gia công:

- Làm thủ tục nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu, áp dụng các chế độ thuế theo loại hình này. Tờ khai nhập khẩu thuộc loại này theo dõi riêng theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu, không thống kê vào bảng thống kê tờ khai nhập gia công (mẫu 01/GC)*. Đơn vị hải quan làm thủ tục nhập khẩu nguyên phụ liệu và xuất khẩu sản phẩm là hải quan quản lý hợp đồng gia công đó.

Thời hạn nộp thuế đối với nguyên phụ liệu áp dụng theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu là 275 ngày như quy định tại Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính.

- Khi xuất khẩu sản phẩm của hợp đồng gia công có sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu theo hình thức này, doanh nghiệp nhận gia công phải có văn bản giải trình với đơn vị hải quan làm thủ tục nói rõ có sử dụng những nguyên phụ liệu (tên, lượng nguyên phụ liệu...) do doanh nghiệp tự nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu, thuộc tờ khai nhập khẩu số... Văn bản này lưu cùng với tờ khai xuất khẩu. Tờ khai xuất khẩu đăng ký theo loại hình xuất gia công, tại ô 39 của tờ khai HQ99-XNK ghi: "có sử dụng loại nguyên phụ liệu...thuộc tờ khai nhập sản xuất xuất khẩu số...".

- Định mức của hợp đồng gia công, văn bản giải trình, tờ khai xuất khẩu gia công là chứng từ dùng để thanh khoản hợp đồng gia công và tờ khai nhập khẩu nguyên phụ liệu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu dưới hình thức này.

Khi sản phẩm gia công có sử dụng nguyên phụ liệu nhập khẩu theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu đã thực xuất khẩu thì thực hiện thanh

khoản tờ khai nhập sản xuất xuất khẩu và giải quyết các vấn đề về thuế đối với tờ khai này.

c) Khi làm thủ tục thanh khoản hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công, doanh nghiệp phải thống kê đầy đủ toàn bộ nguyên phụ liệu đã cung ứng cho hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công đó vào bảng 07/GC.

10. Thủ tục thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công theo quy định tại Điều 18 của Nghị định:

10.1. Căn cứ để thanh khoản như quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định.

Trường hợp định mức ghi trong hợp đồng gia công mới chỉ là định mức tạm tính thì việc điều chỉnh lại định mức phải được hai bên ký kết hợp đồng gia công thỏa thuận bằng phụ kiện hợp đồng và phải khai báo với cơ quan hải quan trước khi làm thủ tục xuất khẩu sản phẩm. Trong trường hợp này, hải quan không coi là vi phạm và định mức điều chỉnh này là cơ sở để thanh khoản hợp đồng gia công.

Nếu trong hợp đồng gia công/phụ kiện hợp đồng không quy định định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt, thì coi như trong định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư gia công đã bao gồm cả định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt.

Giám đốc doanh nghiệp ký kết hợp đồng gia công chịu trách nhiệm trước pháp luật về định mức sử dụng, định mức tiêu hao, tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư đã thỏa thuận trong hợp đồng, phụ kiện hợp đồng gia công và khai báo với hải quan là phù hợp với thực tế thực hiện của hợp đồng gia công đó.

Khi doanh nghiệp đăng ký định mức với hải quan, kèm theo Bảng định mức là phần giới thiệu các thông số của sản phẩm liên quan đến việc xác định định mức hoặc bản vẽ sơ đồ kỹ thuật của sản phẩm đó có đóng dấu xác nhận của giám đốc doanh nghiệp, không cần phải xuất trình mẫu sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công, hải quan không kiểm tra định mức từng mã hàng, nhưng khi có căn cứ chứng tỏ định mức ghi trong hợp đồng/phụ kiện hợp đồng gia công và khai báo với hải quan không chính xác, không

trung thực, hải quan sẽ tiến hành kiểm tra định mức, kể cả biện pháp kiểm tra sau giải phóng hàng được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 16/1999/NĐ-CP ngày 27/3/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan. Nếu phát hiện sai phạm, giám đốc doanh nghiệp sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

10.2. Hồ sơ thanh khoản bao gồm:

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện của hợp đồng.

- Bảng thống kê tờ khai nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu (bao gồm cả Phiếu hoặc văn bản chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp và Phiếu hoặc văn bản thông báo chuyển giao nguyên liệu, phụ liệu, vật tư gia công) kèm theo tờ khai, phiếu, văn bản thông báo (mẫu 01/GC ban hành kèm theo Thông tư này)*.

- Bảng tổng hợp nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu (kể cả nguyên liệu là sản phẩm gia công chuyển tiếp, nguyên phụ liệu, vật tư chuyển từ hợp đồng gia công khác sang - Mẫu 02/GC)*.

- Bảng thống kê tờ khai sản phẩm gia công xuất khẩu (bao gồm cả phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp), kèm theo tờ khai, phiếu (mẫu 03/GC)*.

- Bảng tổng hợp sản phẩm gia công đã xuất khẩu (mẫu 04/GC)*.

- Bảng thống kê tờ khai nhập khẩu máy móc, thiết bị (bao gồm cả phiếu hoặc văn bản thông báo chuyển máy móc, thiết bị từ hợp đồng khác sang), kèm theo tờ khai, phiếu, văn bản thông báo (mẫu 05/GC)*.

- Bảng tổng hợp máy móc, thiết bị tạm nhập khẩu, kể cả máy móc, thiết bị tạm nhập chuyển từ hợp đồng gia công khác sang (mẫu 06/GC)*.

- Bảng thống kê nguyên phụ liệu, vật tư do bên nhận gia công cung ứng (mẫu 07/GC)*.

- Bảng tổng hợp nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất thành sản phẩm xuất khẩu (mẫu 08/GC ban hành kèm theo Thông tư này)*.

- Bảng thanh khoản hợp đồng gia công (mẫu 09/GC)*. Trong bảng thanh khoản này, doanh

ng nghiệp phải nêu rõ hình thức xử lý đối với nguyên phụ liệu dư thừa (nếu có).

10.3. Thời hạn thanh khoản:

- Chậm nhất 3 tháng kể từ khi chấm dứt hợp đồng gia công, bên nhận gia công phải hoàn tất việc thanh khoản hợp đồng với cơ quan hải quan (bao gồm cả việc giải quyết nguyên phụ liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị tạm nhập, phế liệu, phế phẩm). Đối với những hợp đồng gia công có thời hạn trên một năm, thì phải tách ra từng phụ kiện nhỏ, thời hạn thực hiện một phụ kiện không quá một năm. Thời hạn thanh khoản đối với phụ kiện hợp đồng gia công cũng áp dụng như đối với thời hạn thanh khoản hợp đồng gia công. Nguyên phụ liệu dư thừa sau khi thanh khoản phụ kiện trước được chuyển sang sử dụng cho phụ kiện tiếp theo của hợp đồng.

Quá thời hạn trên nếu doanh nghiệp không hoàn thành việc thanh khoản mà không có lý do chính đáng được trưởng đơn vị hải quan quản lý hợp đồng gia công chấp thuận, thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan theo quy định tại Điều 12c sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 16/CP ngày 20/3/1996 của Chính phủ (được quy định tại Nghị định số 54/1998/NĐ-CP ngày 21/7/1998 của Chính phủ).

- Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ thanh khoản do doanh nghiệp nộp, hải quan phải hoàn thành việc thanh khoản.

11. Thẩm quyền giải quyết nguyên phụ liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị tạm nhập phục vụ gia công sau khi kết thúc hợp đồng:

11.1. Hải quan giải quyết:

- Tái xuất trả cho bên thuê gia công.
- Chuyển sang hợp đồng gia công khác.
- Tiêu hủy phế liệu, phế phẩm tại Việt Nam.

- Mua bán, tặng tại Việt Nam những nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị do bên thuê gia công cho mượn để phục vụ hợp đồng gia công không thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và nhập khẩu có điều kiện.

11.2. Các trường hợp phải có ý kiến chấp thuận

của Bộ Thương mại (theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Nghị định): Mua bán, tặng tại Việt Nam đối với nguyên liệu, phụ liệu, vật tư máy móc, thiết bị do bên thuê gia công cho mượn thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và hàng hóa nhập khẩu có điều kiện.

12. Thủ tục tiêu hủy phế liệu, phế phẩm (nêu tại khoản 4 Điều 18 của Nghị định):

12.1. Phế liệu, phế phẩm nêu tại điểm này được hiểu như sau:

- Phế liệu: là nguyên liệu, phụ liệu, vật tư bị loại ra trong quá trình sản xuất gia công hoặc trong quá trình bảo quản do không đáp ứng yêu cầu chất lượng để dùng làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm; là máy móc, thiết bị, dụng cụ bị hư hỏng, bị hao mòn cơ bản, không thể sử dụng làm công cụ sản xuất ra sản phẩm được nữa.

- Phế phẩm: là sản phẩm sản xuất ra nhưng không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của bên đặt gia công.

12.2. Thủ tục tiêu hủy:

- Việc tiêu hủy phế liệu, phế phẩm gia công được tiến hành trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công hoặc khi thanh khoản hợp đồng gia công.

- Doanh nghiệp tự tổ chức việc tiêu hủy, đơn vị hải quan theo dõi hợp đồng gia công cử ít nhất 2 cán bộ giám sát việc tiêu hủy đó, đảm bảo phế liệu, phế phẩm được tiêu hủy là có nguồn gốc từ nguyên phụ liệu nhập khẩu của hợp đồng gia công mà doanh nghiệp khai báo và thực sự được tiêu hủy. Phải lập biên bản chứng nhận xác nhận kết quả tiêu hủy theo đúng thủ tục hành chính. Biên bản xác nhận kết quả tiêu hủy phải có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của giám đốc doanh nghiệp có hàng tiêu hủy; họ, tên, chữ ký của những cán bộ hải quan chịu trách nhiệm giám sát việc tiêu hủy, những người khác được giám đốc doanh nghiệp chỉ định tham gia giám sát việc tiêu hủy. Trường hợp việc tiêu hủy ảnh hưởng đến môi trường thì doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm xin phép cơ quan quản lý môi trường trước khi tiến hành tiêu hủy. Nếu cơ quan môi trường không cho phép tiêu hủy tại Việt Nam, thì doanh nghiệp phải xuất trả cho bên thuê gia công.

06660649

www.ThuVienPhapLuat.Com
Tel: 04 3845 6684

- Không phải giám định phế liệu, phế phẩm xin tiêu hủy. Doanh nghiệp nhận gia công chịu trách nhiệm trước pháp luật và người thuê gia công về phế liệu, phế phẩm xin tiêu hủy.

- Các loại phế liệu, phế phẩm khi đã thực sự được tiêu hủy hoàn toàn (không còn sử dụng được vào mục đích khác) thì được miễn thuế.

Trường hợp phế liệu, phế phẩm có nguồn gốc từ kim loại (ví dụ: phế liệu là máy móc, thiết bị, các sản phẩm từ kim loại...) khi tiêu hủy không bị tiêu hủy hoàn toàn mà trở thành phế liệu kim loại dưới dạng nguyên liệu sử dụng được vào mục đích khác, thì doanh nghiệp phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế khác liên quan phù hợp với dạng phế liệu sau khi tiến hành tiêu hủy.

13. Thủ tục biểu tặng máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm quy định tại khoản 5 Điều 18 Nghị định:

Bên được tặng phải làm thủ tục nhập khẩu tại hải quan nơi theo dõi hợp đồng gia công, phải nộp thuế nhập khẩu (nếu có). Giá tính thuế được xác định trên cơ sở giá trị thực tế của hàng hóa tại thời điểm làm thủ tục nhận hàng biểu tặng. Hồ sơ làm thủ tục hải quan gồm:

- Tờ khai hải quan (sử dụng tờ khai hàng phi mậu dịch) 3 bản.

- Văn bản tặng của bên đặt gia công.

- Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại (nếu hàng biểu tặng thuộc Danh mục hàng cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc hàng hóa nhập khẩu có điều kiện).

- Trên tờ khai biểu tặng phải ghi rõ "hàng thuộc hợp đồng gia công số ... ngày ... tháng ... năm ...; bên thuê gia công ...; bên nhận gia công ...".

Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho lô hàng biểu tặng, 1 tờ khai hải quan trả cho người được biểu tặng, 1 tờ khai hải quan giữ lại để lưu cùng hợp đồng gia công có hàng biểu tặng, 1 tờ khai giao cho doanh nghiệp nhận gia công để lưu cùng với hợp đồng gia công.

Nếu hàng được biểu tặng từ thiện, thì việc xét miễn thuế do Bộ Tài chính xem xét, xử lý cụ thể

từng trường hợp theo đúng quy định tại điểm 4, mục II, phần D Thông tư số 172/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính. Để được miễn thuế, bên được biểu tặng từ thiện phải làm văn bản gửi Bộ Tài chính. Khi làm thủ tục nhận hàng nếu có văn bản chấp thuận miễn thuế của Bộ Tài chính, thì hải quan không tính thuế; nếu không có văn bản này thì hải quan vẫn tính thuế như các đối tượng biểu tặng khác.

14. Thủ tục hải quan đối với việc mua bán nguyên phụ liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị mượn sau khi kết thúc hợp đồng gia công:

14.1. Hồ sơ làm thủ tục hải quan gồm:

- Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại (nếu hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu và hàng hóa nhập khẩu có điều kiện).

- Tờ khai hải quan: 3 bản.

Nếu doanh nghiệp mua nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị này để tiêu thụ nội địa: đăng ký tờ khai theo loại hình phi mậu dịch.

Nếu doanh nghiệp mua số nguyên phụ liệu, vật tư, máy móc, thiết bị này để làm nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu: đăng ký tờ khai theo loại hình nhập sản xuất xuất khẩu.

14.2. Giá tính thuế: Xác định trên cơ sở căn cứ theo giá trị hàng hóa thực tế tại thời điểm giải quyết cho tiêu thụ nội địa.

B. ĐẶT GIA CÔNG HÀNG HÓA Ở NƯỚC NGOÀI

1. Thương nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế đều được đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài để xuất khẩu phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước đặt gia công. Trong trường hợp sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại Việt Nam, thì ngoài điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/1998/NĐ-CP, doanh nghiệp chỉ được đặt gia công những công đoạn sản xuất mà Việt Nam chưa thực hiện được hoặc chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Việc xác định tiêu chí này dựa trên Danh mục công bố hàng năm của Bộ chuyên ngành, nếu chưa có Danh mục này thì doanh

ngiệp phải có văn bản xác nhận của Bộ quản lý chuyên ngành về vấn đề này.

Việc sử dụng nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật nước nhận gia công. Nếu sản phẩm gia công nhập khẩu trở lại Việt Nam thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và phải chịu sự kiểm soát về lĩnh vực này như hàng hóa khác nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam.

2. Thủ tục tiếp nhận hợp đồng đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài:

Các hợp đồng/phụ kiện hợp đồng đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài đều phải làm thủ tục tiếp nhận tại cơ quan hải quan. Chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi làm thủ tục xuất khẩu lô hàng đầu tiên của hợp đồng, doanh nghiệp đặt gia công ở nước ngoài phải làm thủ tục xuất trình hợp đồng gia công với cơ quan hải quan. Trường hợp có lý do hợp lý thì trưởng đơn vị hải quan làm thủ tục có thể chấp nhận rút ngắn thời gian trên.

a) Bộ hồ sơ xuất trình gồm:

- Hợp đồng gia công và các phụ kiện kèm theo (nếu có): 2 bản chính.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu làm thủ tục tiếp nhận lần đầu): 2 bản sao.

- Văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu hàng hóa xuất khẩu để đặt gia công thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, xuất khẩu phải có Giấy phép của Bộ Thương mại hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền): 1 bản chính, 1 bản sao.

- Văn bản của Bộ chuyên ngành (xác nhận công đoạn đặt gia công ở nước ngoài thuộc công đoạn sản xuất trong nước chưa thực hiện được hoặc chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng; ý kiến chấp thuận của Bộ chuyên ngành, nếu hàng hóa xuất khẩu để đặt gia công ở nước ngoài và sản phẩm nhập khẩu trở lại Việt Nam thuộc diện phải có giấy phép của cơ quan chuyên ngành): 1 bản chính, 1 bản sao.

b) Trách nhiệm của hải quan khi tiếp nhận hợp đồng gia công:

- Tiếp nhận hợp đồng gia công phù hợp với quy định tại Điều 12 của Nghị định và các điều kiện nêu ở điểm 1, mục B trên đây.

- Đóng dấu "đã tiếp nhận hợp đồng" lên hợp đồng và các tài liệu khác kèm theo.

Trong thời gian không quá 4 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan hải quan phải làm xong thủ tục tiếp nhận hợp đồng gia công nói trên. Sau khi tiếp nhận, hải quan lưu 1 bộ hồ sơ để theo dõi, bao gồm 1 bản chính hợp đồng, phụ kiện hợp đồng gia công kèm theo (nếu có) và bản sao các chứng từ khác.

3. Thủ tục xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư:

a) Đối với máy móc, thiết bị: làm thủ tục hải quan và thực hiện chính sách xuất nhập khẩu như đối với hàng tạm xuất - tái nhập, nhưng không phải tính thuế.

b) Đối với nguyên liệu, phụ liệu, vật tư: đăng ký tờ khai theo loại hình xuất gia công. Khi kiểm hóa, kiểm hóa viên phải tiến hành lấy mẫu lưu mẫu nguyên liệu chính và phụ liệu có giá trị lớn đối với những trường hợp lấy mẫu được. Cách lấy mẫu thực hiện như quy định tại điểm 2.1.c, mục A trên đây.

4. Thủ tục nhập khẩu:

a) Thủ tục nhập khẩu máy móc, thiết bị nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa:

- Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa là hàng được xuất từ Việt Nam để phục vụ gia công, nếu nhập khẩu trở lại Việt Nam thì làm thủ tục như lô hàng tạm xuất - tái nhập, không phải tính thuế. Đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa khi làm thủ tục tái nhập phải đối chiếu với mẫu lưu lấy khi làm thủ tục xuất khẩu.

- Nếu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa là hàng mua tại nước ngoài để phục vụ gia công, khi làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam phải tuân thủ chính sách xuất nhập khẩu, chính sách thuế như hàng hóa nhập khẩu theo loại hình nhập kinh doanh.

b) Thủ tục nhập khẩu sản phẩm gia công: đăng ký tờ khai theo loại hình nhập gia công. Khi kiểm hóa, kiểm hóa viên hải quan phải đối chiếu

nguyên, phụ liệu cấu thành trên sản phẩm với mẫu lưu nguyên, phụ liệu lấy khi làm thủ tục xuất khẩu.

5. Thanh khoản hợp đồng gia công:

Hồ sơ thanh khoản, thủ tục thanh khoản như quy định tại điểm 10, mục A Phần III trên đây.

IV. XỬ LÝ VI PHẠM

Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Nghị định số 57/1998/NĐ-CP nêu trên và tại Thông tư này tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan và các quy định pháp luật khác có liên quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 03/1998/TT-TCHQ ngày 29/8/1998 của Tổng cục Hải quan và các văn bản hướng dẫn liên quan (có danh mục kèm theo).

2. Định kỳ 6 tháng một lần, hải quan các tỉnh, thành phố có quản lý hàng gia công báo cáo Tổng cục Hải quan tình hình thực hiện Thông tư này.

3. Thủ trưởng các Cục/Vụ nghiệp vụ thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan; Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hải quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư hướng dẫn này./.

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan
Phó Tổng cục trưởng

ĐẶNG VĂN TẠO

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN ĐƯỢC THAY THẾ BẰNG THÔNG TƯ SỐ 07/2000/TT-TCHQ NGÀY 02/11/2000

Số thứ tự	Hình thức văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng văn bản	Trích yếu văn bản	Ghi chú
1.	Thông tư	03/1998/TT-TCHQ	29/8/1998	Hướng dẫn thi hành Chương III (gia công với nước ngoài) Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ	
2.	Công văn	3550/TCHQ-GSQL	3/10/1998	Đăng ký hợp đồng gia công của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
3.	Công văn	4201/TCHQ-GSQL	16/11/1998	Giải thích thêm một số điểm tại Thông tư số 18/1998/TT-BTM và Thông tư số 03/1998/TT-TCHQ	
4.	Công văn	4719/TCHQ-GSQL	17/12/1998	Đặt gia công ở nước ngoài	
5.	Công văn	95/TCHQ-GSQL	16/1/1999	Tiêu hủy phế liệu, phế phẩm gia công	
6.	Công văn	1270/TCHQ-GSQL	10/3/1999	Tiêu hủy phế liệu, phế phẩm gia công	
7.	Công văn	1644/TCHQ-GSQL	30/3/1999	Giải thích một số điểm tại Thông tư số 03/1998/TT-TCHQ	
8.	Công văn	2559/TCHQ-GSQL	13/5/1999	Giải quyết vướng mắc trong hàng gia công xuất khẩu	

09660649